

Daklak, ngày 10 tháng 10 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2017

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

Mã chứng khoán: S33

Trụ sở chính: Khối 1 – Thị trấn Eaknốp – Huyện Eakar – Tỉnh Đaklak

Điện thoại: 05003.829260 Fax: 05003.829089

2. Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Ngọc Sơn

Địa chỉ: 173 Nguyễn Tất Thành – Thị trấn Eatling – Huyện Cư Jút – Tỉnh ĐăkNông

Điện thoại: 02623.829260 Fax: 02623.829089

Loại Công bố thông tin: Định Kỳ

3. Nội dung công bố thông tin: Công bố báo cáo thường niên năm 2017 (Niên độ tài chính từ 01/07/2016 đến 30/6/2017)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10 tháng 10 năm 2017 tại đường dẫn: www.miaduong333.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN NGỌC SƠN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333



MỤC LỤC

- 1 THÔNG TIN CHUNG**
- 13 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**
- 27 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG
VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**
- 31 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
- 37 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 43 QUẢN TRỊ CÔNG TY**
- 49 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017**

333 SUCCO



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333
Tên tiếng anh	:	THE 333 SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	THE 333 SUCO
Giấy CNĐKDN số	:	6000181156, thay đổi lần thứ 09 ngày 05/07/2016
Vốn điều lệ	:	83.314.090.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	83.314.090.000 đồng
Địa chỉ	:	Thị trấn Eaknốp, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Số điện thoại	:	0262 3829260
Số fax	:	0262 3829089
Website	:	www.miaduong333.vn
Email	:	miaduong333@gmail.com
Mã cổ phiếu	:	S33



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn hình thành (1976 – 2005)

- **Năm 1976:** Tiền thân của Công ty Cổ phần Mía đường 333 là Sư đoàn 333 - đơn vị quân đội thuộc quân khu 5, Bộ Quốc Phòng được thành lập từ tháng 10/1976 với nhiệm vụ làm kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk.
- **Năm 1982:** Tháng 10/1982, Sư đoàn 333 được chuyển giao Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quản lý, đồng thời đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Công Nông Lâm nghiệp 333 – trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam. Với 23 nông trường, xí nghiệp trực thuộc, hoạt động chủ yếu là hợp tác với Liên Xô trồng, sản xuất và chế biến cà phê.
- **Năm 1992:** Theo Quyết định 38/CP tháng 04/1992 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Liên hiệp các Xí nghiệp cà phê Việt Nam được giải thể. Sau đó, xí nghiệp Liên hợp Công Nông nghiệp 333 được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp 333 theo quyết định số 217/QĐ ngày 9/04/1993 của Bộ NN&CNTP.
- **Năm 1997:** Ngày 19/04/1997, theo quyết định số 130/QĐ của Tổng công ty Cà phê Việt Nam, Xí nghiệp Liên hợp Nông Công Lâm nghiệp 333 được đổi tên thành Công ty Mía đường 333. Đồng thời, dự án xây dựng nhà máy chế biến đường RS được phê duyệt với công suất thiết kế ban đầu là 500 tấn mía/ngày.
- **Năm 2005:** Ngày 30 tháng 12 năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ra quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN về việc cổ phần hóa Công ty Mía đường 333 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Mía đường 333, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 28/06/2006 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000094 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lak với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.

Giai đoạn phát triển (2005 – 2017)

- **Năm 2009:** Tháng 9/2009, tăng vốn điều lệ lên 11,5 tỷ đồng bằng hình thức phát hành 150.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức.
- **Năm 2010:** tăng vốn điều lệ lên 34,5 tỷ đồng qua 2 lần phát hành.
 - ❖ 30/03/2010: tăng vốn điều lệ từ 11,5 tỷ đồng lên 23 tỷ đồng
 - ❖ 27/10/2010: tăng vốn điều lệ từ 23 tỷ đồng lên 34,5 tỷ đồng
 - ❖ Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng công suất nhà máy mía đường từ 800 tấn mía ngày lên 2.500 tấn mía ngày theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 của Dự án động thổ ngày 19/4/2010 và chính thức đi vào hoạt động ngày 31/12/2010.
- **Năm 2011:** Giai đoạn 2 khởi công tháng 5/2011 và chính thức đi vào hoạt động ngày 07/12/2011. Đến nay công ty đã đi vào sản xuất ổn định với công suất ép 2.500 TMN, các chỉ tiêu cơ bản đáp ứng yêu cầu dự án. Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 39,674 tỷ đồng dưới hình thức chi trả cổ tức cho cổ đông.
- **Năm 2012:** Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 83,314 tỷ đồng.
- **Năm 2016:** Công ty có sự chuyển đổi năm tài chính, thời gian được tính từ 01/07 năm trước đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính năm chuyển đổi từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016. Năm tài chính đầu tiên áp dụng bắt đầu từ ngày 01/07/2016 kết thúc ngày 30/06/2017.
- **Năm 2017:** Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường 2017 ngày 13/02/2017, Công ty đã thông qua kế hoạch nâng công suất nhà máy từ 2.500 TMN lên 3.500 TMN. Dự kiến sẽ đưa vào sản xuất cho vụ ép 2017-2018.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh:

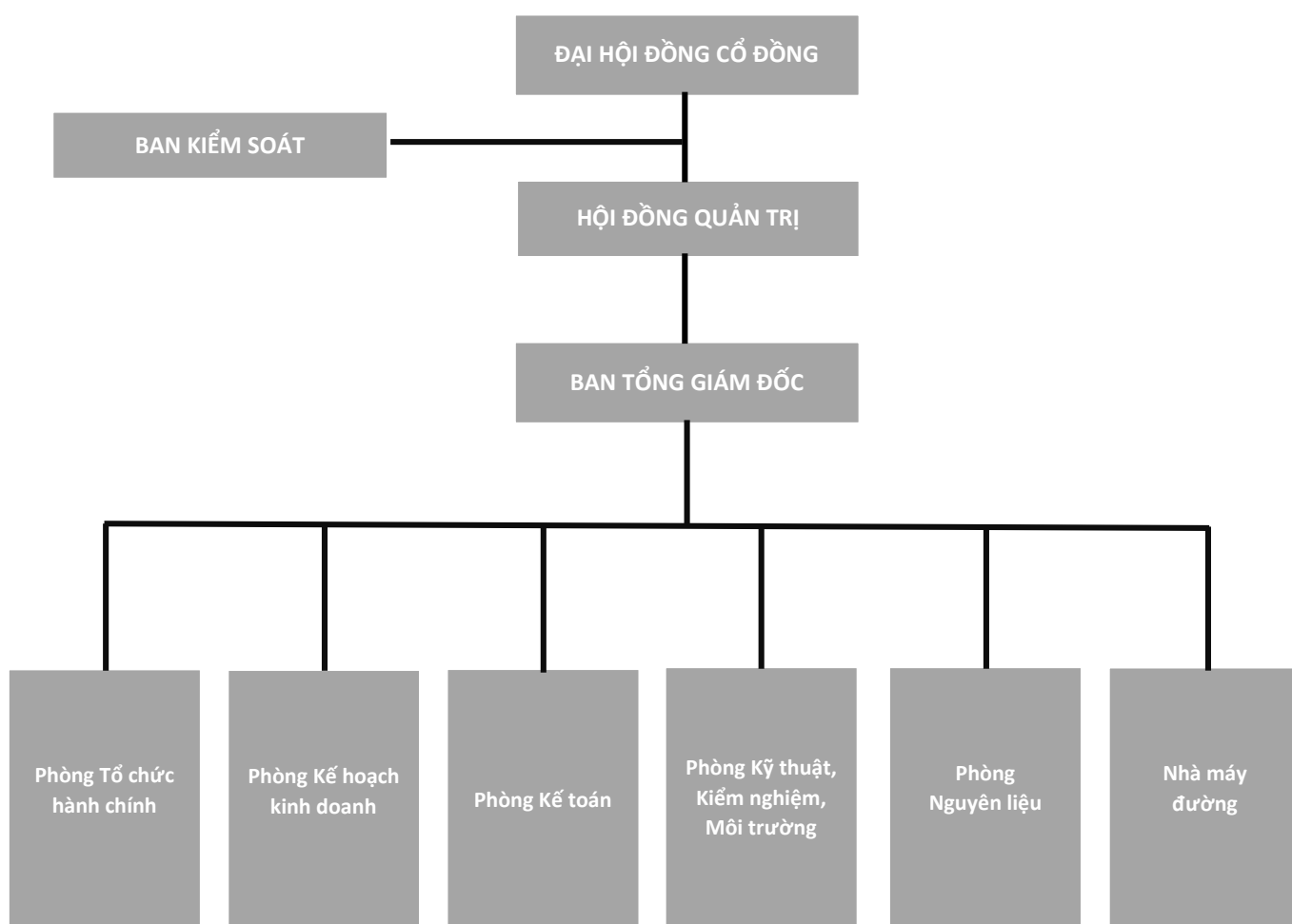
- ❖ Sản xuất, chế biến đường mía
- ❖ Chế biến hạt điều nhân xuất khẩu;
- ❖ Sản xuất nước tinh khiết, nước ngọt có gas và không gas;
- ❖ Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- ❖ Đại lý mua bán xăng dầu và chất bôi trơn động cơ;
- ❖ Trồng mía đường;
- ❖ Mua bán hàng vật tư nông nghiệp, nông sản;
- ❖ Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- ❖ Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

Theo nghị quyết HĐQT ngày 06 tháng 04 năm 2016, HĐQT thống nhất tạm dừng sản xuất chế biến hạt điều theo đề nghị của Ban điều hành trong tình hình giá mua nguyên liệu cao hơn giá bán như hiện nay. Giao Ban điều hành theo dõi và xin ý kiến HĐQT để tiếp tục thu mua sản xuất khi thích hợp.

Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu ở Đắk Lắk và thành phố Hồ Chí Minh.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC



Công ty được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị gồm:

- ❖ Đại hội đồng cổ đông
- ❖ Hội đồng Quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Ban Tổng giám đốc
- ❖ Các phòng chuyên môn nghiệp vụ

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty Cổ phần Mía đường 333 (S33) không có công ty con, công ty liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ❖ Tiếp tục phát triển thành công ty đa ngành lấy chế biến mía đường và sản xuất chế biến điều nhân xuất khẩu làm trọng tâm, từng bước mở rộng hoạt động sang lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.
- ❖ Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đạt các tiêu chí về chất lượng an toàn thực phẩm. Tìm kiếm lợi nhuận tối đa cho cổ đông, hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ❖ Trong trung và dài hạn, Công ty chủ trương hiện đại hóa trang thiết bị, máy móc để tăng hiệu quả sản xuất, giảm tỷ lệ lãng phí nguyên vật liệu, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm để vượt qua các rào cản về tiêu chuẩn kỹ thuật, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- ❖ Ngoài ra, đảm bảo vùng nguyên liệu sạch và sản lượng ổn định để cung cấp cho các nhà máy chế biến nông sản nói chung và ép mía nói riêng cũng là một trong những chiến lược trọng tâm mà Công ty đang hướng đến.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- ❖ Môi trường: mở rộng hoạt động sản xuất đi kèm với áp dụng khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường, tạo sự phát triển bền vững.
- ❖ Xã hội: Công ty luôn gắn sự phát triển của mình với sự phát triển của xã hội, góp phần giảm gánh nặng của nhà nước, giải quyết các vấn đề xã hội. Cùng đồng hành và phát triển
- ❖ Cộng đồng: công ty luôn hướng tới cân bằng lợi ích với cộng đồng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân trong vùng nguyên liệu.

Rủi ro kinh tế

Năm 2017, tiếp tục là năm có nhiều thay đổi với ngành mía đường Việt Nam. Tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng khiến hàng rào thuế xuất nhập khẩu mía đường từ các nước trong khu vực ASEAN sẽ về 0% vào năm 2018 thay vì 30% như hiện nay đã tạo ra xu hướng tái cấu trúc ngành. Theo đó một số doanh nghiệp mía đường trong thời gian qua đã tăng cường hợp tác, hay thực hiện mua bán và sáp nhập để tạo ra giá trị cộng hưởng tăng sức cạnh tranh.

Một khó khăn nữa mà doanh nghiệp ngành đường phải đối mặt là tình trạng đường nhập lậu. Đường gian lận thương mại không chịu thuế, giá bán thấp khiến hoạt động tiêu thụ đường gặp khó khăn từ đó đã đẩy đường tồn kho Việt Nam lên mức cao kỷ lục chưa từng có trước đây là 748.224 tấn (tính đến khoảng cuối quý 4 niên độ 2016 - 2017). Trong lượng đường này có 222.000 tấn đường là từ nhà máy các tỉnh miền Trung. Ngoài ra theo khảo sát giá của Hiệp hội mía đường Việt Nam (VASS) thì giá đường nhập lậu chỉ khoảng 14.000 – 15.000 đồng/kg thấp hơn giá bán buôn đường chính thống ở khoảng 15.000 – 16.400 đồng/kg. Để khắc phục tình trạng hiện tại và ngăn chặn tiếp diễn trong tương lai, VASS đã tổ chức đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo cam kết WTO là 89.500 tấn năm 2017 vào ngày 23/08/2017 vừa qua. Hoạt động đấu giá này sẽ giúp cắt giảm lượng đường được phép nhập khẩu, đẩy mạnh tiêu thụ và giảm lượng đường tồn kho.

Từ những nhân tố trên, có thể dự báo dù đã có hỗ trợ từ phía Hiệp hội nhưng đường nhập lậu sẽ vẫn gây ra những khó khăn nhất định với doanh nghiệp ngành mía đường nói chung và S33 nói riêng. Theo đó, Công ty cổ phần mía đường 333 đã có những chiến lược kinh doanh nhằm đối phó và hạn chế một phần rủi ro trên như tập trung kiểm soát chi phí sản xuất, sử dụng tốt và nâng cao năng suất vùng trồng mía nguyên liệu từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Rủi ro pháp luật

Thực tế, ngành mía đường Việt Nam mặc dù nhận được khá nhiều sự quan tâm từ Chính phủ nhưng vẫn chưa có một đường lối phát triển nhất định hay một bộ luật riêng biệt như Thái Lan. Đây cũng là một rủi ro lớn cho sự phát triển ổn định của doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và đăng ký giao dịch UPCoM nên mọi hoạt động của Công ty đều phải tuân theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, cũng như các quy định cho doanh nghiệp UPCoM. Để hạn chế những sai phạm và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp Công ty luôn chủ động cập nhật tình hình những thay đổi trong chính sách và luật định.

Rủi ro công nghệ

Quy trình sản xuất mía đường từ thu hoạch đến ra sản phẩm đường tinh nhìn chung khá đơn giản không đòi hỏi kỹ thuật cao, công nghệ sản xuất tại Việt Nam không cách quá xa với công nghệ thế giới nhưng quy mô nhà máy và máy móc còn kém chất lượng. Quy mô nhỏ và thiết bị, máy móc lạc hậu không chỉ khiến tỉ lệ hao hụt cao mà còn khiến doanh nghiệp ngành đường không thể tận dụng hết các phụ phẩm.

Hiện tại, công suất thiết kế nhà máy đường của Công ty đạt 2.500 TMN và đang trong lộ trình 2016 – 2020 nâng công suất lên 3.500 TMN. Thời gian dự kiến đưa vào sản xuất là vụ ép 2017-2018 Việc nâng công suất nhà máy sẽ giúp Công ty tối đa hóa sản lượng, tiết kiệm chi phí sản xuất.



Rủi ro nguyên liệu

Chi phí mía nguyên liệu chiếm phần lớn tổng chi phí của một nhà máy đường. Từ đó, có thể thấy tầm quan trọng của giá cả và chất lượng mía nguyên liệu đầu vào đối với các doanh nghiệp ngành mía đường nói chung và Công ty nói riêng. Mía là cây trồng hàng năm tuy nhiên xét về khả năng lưu gốc thì là cây trồng nhiều năm, một ruộng mía tốt có thể mang lại chu kỳ kinh tế từ 5 – 7 năm với các lợi ích như giảm chi phí làm đất, chọn giống, công trồng Tuy nhiên, hầu hết giống mía tại Việt Nam năng suất chưa cao cùng với kỹ thuật trồng còn thấp và tình hình thời tiết diễn biến bất thường nên chu kỳ kinh tế thường sẽ ngắn.

Chất lượng của mía nguyên liệu được đo lường bằng chữ đường (CCS - Commercial Cane Sugar), đo lường khối lượng saccarozo trong 100 đơn vị khối lượng mía. Tại Việt Nam theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng mía nguyên liệu do Bộ NN - PTNT ban hành năm 2012, chữ đường ở mía nguyên liệu phải đạt từ 9 CCS trở lên. Theo báo cáo của Hiệp hội mía đường Việt Nam tính đến đầu quý 3 niên độ 2016 - 2017 thì mía thu hoạch ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên đều dưới 10 CCS, nhiều nơi dưới 9 CCS. Chữ đường thấp do mía trồng tại miền Trung – Tây Nguyên bị ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn nặng nề trong năm 2016 và mưa lũ những tháng cuối năm 2016.

Vào khoảng tháng 8/2017 vừa qua, Tỉnh Đắk Lắk đã quy hoạch các vùng đất xám bạc màu, pha cát, đất rừng khộp nằm trên địa bàn các huyện M'Đrăk, Ea Kar, Ea Súp mà trước đây gieo trồng ngô, lúa rẫy năng suất kém, hiệu quả kinh tế thấp sang trồng mía nguyên liệu cho Công ty cổ phần mía đường 333. Việc gia tăng quỹ đất vùng nguyên liệu vừa là cơ hội vừa thách thức với Công ty do chất lượng đất bàn giao không tốt cần cải thiện nhiều. Bên cạnh đó, vùng mía của Công ty tại xã phía Đông nam Tỉnh Đắk Lắk vẫn đang đáp ứng nhu cầu nguyên liệu, với những giống mía tốt, sinh trưởng mạnh, cho năng suất cao. Công ty cũng tiến hành cơ giới hoá các khâu làm đất, trồng, chăm sóc, bón phân, tưới, sâu bệnh và thu hoạch nhằm nâng cao hiệu suất, tiết kiệm chi phí.





Rủi ro về lãi suất

Hiện tại, Công ty đang tiến hành dự án nâng cấp công suất nhà máy lên 3.500 TMN với nguồn vốn 80% là từ đi vay. Ngoài ra, Công ty đang có những hợp đồng vay dài hạn có điều khoản điều chỉnh lãi suất vay. Có thể thấy biến động lãi suất là một rủi ro tiềm ẩn của Công ty. Để hạn chế loại rủi ro này, Công ty luôn có sự theo dõi tình hình biến động của lãi suất từ đó có thể đề ra những chiến lược sử dụng vốn vay an toàn, hiệu quả.

Rủi ro môi trường

Quy trình sản xuất đường tinh từ mía là quy trình tạo ra nhiều phụ phẩm nhất. Hầu hết các phụ phẩm này đều được Công ty tận dụng tốt. Tuy vậy vẫn có những phụ phẩm không tận dụng được, các phế phẩm còn lại sau quá trình sản xuất này có những tác động nhất định đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực nhà máy. Để khắc phục tình trạng này, S33 đã chủ động xây dựng và duy trì hệ thống xử lý chất thải đáp ứng quy định hiện hành trong lĩnh vực của mình.



333 SUCCO



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình hoạt động đầu tư

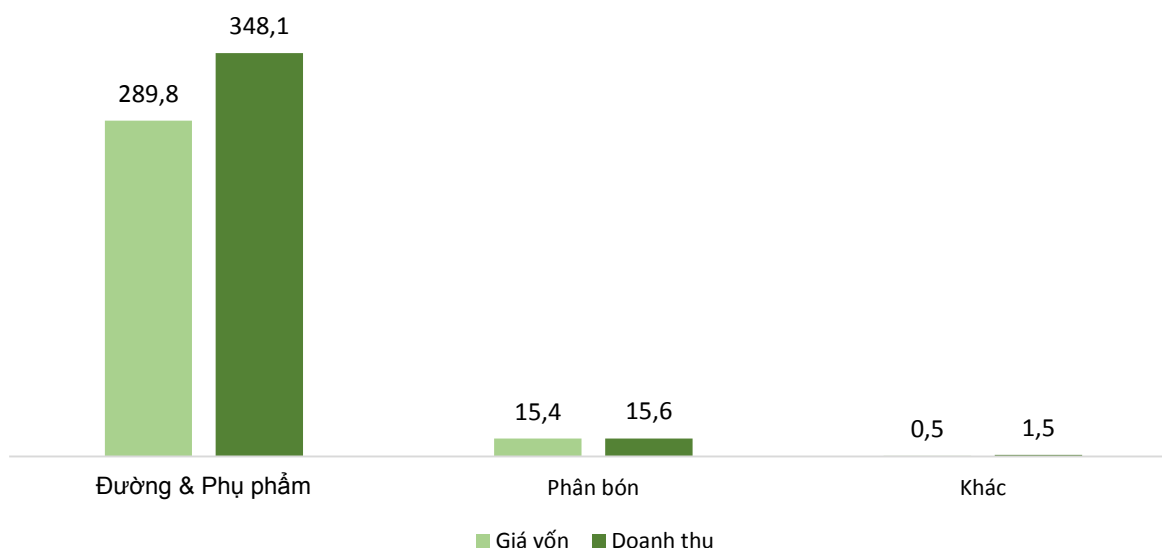
Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	Đơn vị	01/07/2015 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017	
			Kế hoạch	Thực hiện
Sản lượng mía xô ép	Tấn	241.875	300.000	303.638
Sản lượng đường sản xuất	Tấn	24.930	31.579	30.520
Tỉ lệ mía/đường	m/đ	10,22	10,00	9,96
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	402.288.194.152	420.770.294.000	370.563.631.519
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.762.272.336	20.088.000.000	42.873.999.911

Giá vốn & Doanh thu theo sản phẩm năm 2017 (ĐVT:Tỷ đồng)



Công tác nguyên liệu

Hoạt động sản xuất chính yếu của Công ty là luyện đường từ mía, vì vậy cây mía là nguyên vật liệu ảnh hưởng nhiều nhất đến chất lượng sản phẩm và kết quả kinh doanh của Công ty. Cây mía là cây công nghiệp nhiệt đới, sinh trưởng và phát triển tốt trong khoảng nhiệt độ từ 26 – 33°C. Trong niên vụ 2016 - 2017 vừa qua, tại Đắk Lắk tình hình thời tiết diễn biến phức tạp với một phần hậu quả từ hạn hán năm 2016 và ngập lụt vào cuối năm 2016, cùng với đó là điều kiện vùng đất trồng mía của Công ty phần lớn là đồi núi trọc. Từ đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng mía đầu vào của nhà máy. Chứa đường của cây mía nguyên liệu vào nhà máy phần lớn không quá 9CCS.

Tuy chứa đường không cao nhưng bù lại năng suất của vùng nguyên liệu thu mua bao tiêu với HTX Thăng Bình của Công ty khá cao. Nhờ đó, công tác nguyên liệu đã đáp ứng cho nhà máy hoạt động hết công suất thiết kế, góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động sản xuất chế biến đường nói riêng và sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

Hoạt động nghiên cứu nhằm tìm ra giống cây mía mới với năng suất cao, chống chịu tốt với biến đổi khí hậu cũng được Công ty đầu tư đúng mức. Tại thời điểm hiện tại, hoạt động nghiên cứu này chưa tạo ra được đột phá trong nuôi trồng nhưng nếu được tiếp tục trong tương lai sẽ mang đến giá trị tăng thêm cho Công ty.



Công tác sản xuất chế biến đường

Trong ngành mía đường, doanh nghiệp có nguyên liệu mía đầu vào tốt nhưng dây chuyền sản xuất lạc hậu sẽ làm hao hụt chất lượng sản phẩm đầu ra. Hiện tại, Công ty đang vận hành dây chuyền sản xuất có công suất thiết kế 2.500 TMN khá nhỏ so với những doanh nghiệp cùng ngành khác. Tuy vậy, dây chuyền này được Công ty đầu tư bằng thiết bị mới và được vận hành bởi đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân có năng lực cao nên hiệu quả sản xuất chế biến đường luôn được đảm bảo chất lượng.

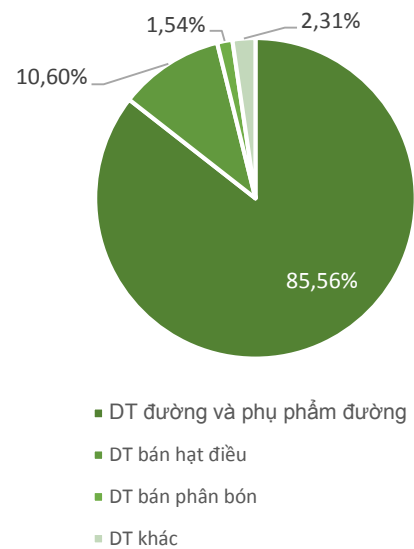
Để đảm bảo công tác sản xuất được diễn ra liên tục Công ty quản lý lý lao động thực hiện đúng theo quy chế, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy được đảm bảo.

Bên cạnh đó, trong năm 2017 Công ty đang tiến hành nâng cấp công suất từ 2.500 TMN lên 3.500 TMN dự kiến phục vụ cho vụ ép 2017 - 2018. Dự án khi hoàn thành và đưa vào hoạt động sẽ giúp tối ưu hóa năng lực thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả SXKD của Công ty.

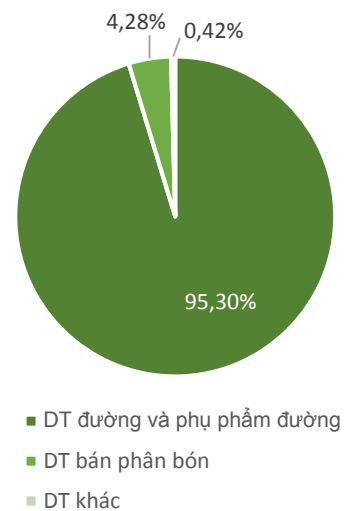
Công tác thị trường

Hệ thống tiêu thụ sản phẩm của Công ty đã được xây dựng và phát triển tương đối ổn định. Bên cạnh những bạn hàng truyền thống có uy tín giúp công tác tiêu thụ sản phẩm được ổn định, Công ty còn chủ động điều chỉnh giá phù hợp với giá bán thị trường, không tự động hạ thấp giá đường để cạnh tranh với đường lậu. Nhờ đó hiệu quả kinh doanh của Công ty luôn được giữ vững.

Cơ cấu doanh thu 6T/2016



Cơ cấu doanh thu 2016 - 2017



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Nguyễn Xuân Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/11/2016
Ông Nguyễn Ngọc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/11/2016
Ông Lê Ngọc Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/07/2016
Ông Nguyễn Xuân Quang	Kế toán trưởng	

Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Ông ĐOÀN NGỌC SƠN – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	05/11/1968
Quê quán	Thị trấn Eatling, Huyện Cư Jut, Tỉnh Đắk Nông
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	TV HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Mía đường Đắk Nông TV HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre TV HĐQT kiêm TGD CTCP Mía đường Đắk Lắk
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Ông NGUYỄN XUÂN MINH – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	01/01/1961
Quê quán	Xã Kỳ Phú, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hóa thực phẩm
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Ông NGUYỄN XUÂN QUANG – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh	01/10/1958
Quê quán	Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán (Trường trung cấp quản lý Xuân Mai)
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	312.813 cổ phần – tỷ lệ 3,755% VĐL

Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Bá Thành	Chủ tịch	20/06/2016
2	Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	20/06/2016
3	Ông Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	20/06/2016
4	Ông Phạm Cao Hà	Thành viên	20/06/2016
5	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	13/02/2017

Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị (Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Xuân Quang và Ông Đoàn Ngọc Sơn vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch Ban điều hành)

Ông NGUYỄN BÁ THÀNH – Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	28/12/1976
Quê quán	Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	Đã qua đào tạo Giám đốc điều hành (C.E.O)
Chức vụ tại tổ chức khác	TV HĐQT CTCP Mía đường Bến Tre Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Mía đường Đắk Nông TV HĐQT CTCP Mía đường Đắk Lắk
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VĐL

Ông PHẠM CAO HÀ – Thành viên HĐQT

Năm sinh	01/01/1979
Quê quán	Xã Nghĩa Kỳ, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Ông TRẦN NGỌC HIẾU – Thành viên HĐQT

Năm sinh	10/12/1956
Quê quán	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Quản lý
Chức vụ tại tổ chức khác	CT HĐQT Công ty CP mía đường Đắk Lắk
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	20/06/2016
2	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Thành viên	20/06/2016
3	Ông Nguyễn Xuân Sỹ	Thành viên	20/06/2016

Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát**Bà TRẦN THỊ NHI – Trưởng Ban kiểm soát**

Năm sinh	25/10/1964
Quê quán	Tỉnh Quảng Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	Chuyên viên đầu tư tại CT TNHH Kim Hà Việt
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Ông NGUYỄN BÁ KHIÊM – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	25/05/1984
Quê quán	Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	Đại học Kế toán doanh nghiệp
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Ông NGUYỄN XUÂN SỸ – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	02/04/1977
Quê quán	Trung Lương, Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư tự động hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	2.914 cổ phần – tỷ lệ 0,030% VDL

Những thay đổi trong Ban điều hành, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Trong năm, cơ cấu ban điều hành cũng có sự thay đổi như sau:

- Theo nghị quyết HĐQT ngày 01/07/2016, miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành đối với Ông Phan Xuân Thủy, bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành đối với Ông Đoàn Ngọc Sơn.
- Theo nghị quyết HĐQT ngày 12/07/2016, miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Ngọc Nhơn, bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Ngọc Thọ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc điều hành công ty.
- Cũng theo nghị quyết HĐQT ngày 12/07/2016, bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Xuân Quang.
- Theo Nghị quyết HĐQT ngày 27/10/2016, miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc với Ông Nguyễn Ngọc Thọ.
- Theo Quyết định HĐQT ngày 03/11/2016, bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Minh giữ chức Phó Tổng Giám đốc.
- Theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 13/02/2017, miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với Ông Đặng Việt Anh đồng thời bầu bổ sung Ông Trần Ngọc Hiếu giữ chức vụ Thành viên HĐQT công ty.



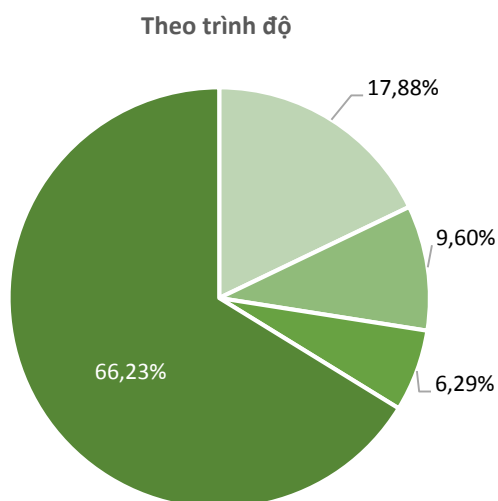


Chính sách đối với người lao động

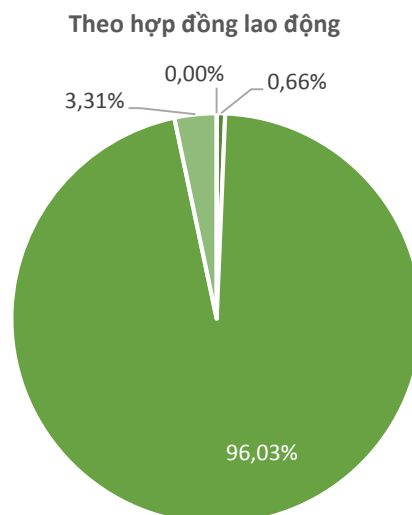
Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Công ty. Do đặc trưng Công ty đang trong định hướng nâng cấp dây chuyền sản xuất nên đòi hỏi phải có nguồn nhân lực với năng lực chuyên môn cao để tham gia vận hành tốt máy móc thiết bị. Công ty đã thực hiện một số chính sách nhân sự vừa nhằm đáp ứng những nhu cầu của CBCNV đồng thời phát triển nguồn nhân lực nhằm mang lại những lợi ích lâu dài và bền vững cho Công ty.

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiến hành trả lương theo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu suất làm việc.

Các chính sách lương, thưởng của Công ty luôn hướng tới đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, xây dựng khoảng cách lương hợp lý nhằm phát huy năng lực đóng góp của từng cán bộ. Bên cạnh đó là chính sách đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn. Cụ thể, công nhân viên ở từng bộ phận được tham gia vào các chương trình đào tạo khi có chương trình phù hợp, tùy thuộc vào nhu cầu thực tiễn của Công ty về sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV có cơ hội nâng cao kiến thức, trình độ của bản thân.



- Cao đẳng, đại học, trên đại học
- Trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp chuyên nghiệp
- Phổ thông và công nhân kỹ thuật



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)
- Hợp đồng thử việc

Tính chất phân loại	01/01/2016 - 30/06/2016	Tỷ trọng	01/07/2016 - 30/06/2017	Tỷ trọng
Theo trình độ	459	100,00%	302	100,00%
Cao đẳng, đại học, trên đại học	64	13,94%	54	17,88%
Trung cấp chuyên nghiệp	36	7,84%	29	9,60%
Sơ cấp chuyên nghiệp	25	5,45%	19	6,29%
Phổ thông và công nhân kỹ thuật	334	72,77%	200	66,23%
Theo hợp đồng lao động	459	100,00%	302	100,00%
Hợp đồng có xác định thời hạn	0	0,00%	2	0,66%
Hợp đồng không xác định thời hạn	392	85,40%	290	96,03%
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	67	14,60%	10	3,31%
Hợp đồng thử việc	0	0,00%	0	0,00%

	2015	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017
Thu nhập bình quân người lao động	5.017.805	4.775.131	5.775.375

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Dự án nâng công suất nhà máy từ 2.500 TMN lên 3.500 TMN

- Tên dự án : Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường 333 từ 2.500TMN lên 3.500TMN.
- Chủ đầu tư : Công ty CP mía đường 333
- Đơn vị lập dự án : Công ty CP mía đường 333
- Mục tiêu của dự án :
 - Khai thác tối đa tiềm năng vùng nguyên liệu;
 - Tối ưu hóa năng lực thiết bị và công nghệ chế biến hiện có của nhà máy;
 - Nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả SXKD của Công ty;
 - Cải thiện thu nhập cho CB-CNV, người trồng mía;
 - Nâng cao hiệu quả Kinh tế - Xã hội cho địa phương
- Nội dung và phương án thực hiện:
 - Tận dụng tối đa các điều kiện trang thiết bị, cơ sở hạ tầng hiện có của Công ty, đầu tư bổ sung thiết bị, áp dụng công nghệ chế biến mới để đáp ứng được mục tiêu đầu tư của dự án.
 - Dự án do Công ty cổ phần mía đường 333 làm chủ đầu tư, Công ty thành lập Ban quản lý dự án để triển khai thực hiện các công tác liên quan đến dự án như: Lập thủ tục triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng tiến độ thực hiện dự án, lựa chọn nhà thầu thi công, giám sát công trình, nghiệm thu và quyết toán hoàn thành công trình tuân thủ theo quy định của Công ty, đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất cho chủ đầu tư khi đưa công trình vào vận hành.
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy đường 333, thị trấn Eak nốp, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk.
- Diện tích sử-dụng đất: Trong khuôn viên nhà máy đường hiện trạng đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cho thuê với diện tích 64.218m², thời hạn thuê đất: đến năm 2043 Thời gian thực hiện: Trong năm 2017. Thời gian đưa vào sản xuất: Vụ ép 2017-2018. Tổng mức đầu tư: 209.156.494.680 đồng (chưa gồm thuế VAT).
- Nguồn vốn: *Vốn tự có 20%; Vốn vay 80%.*
- Hình thức quản lý dự án: Công ty cổ phần Mía đường 333 thành lập ban quản lý dự án trực tiếp quản lý, điều hành.
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Để đảm bảo tiến độ của vụ ép 2017-2018, Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông cho phép không áp dụng Luật Đấu thầu trong công tác lựa chọn nhà thầu, giao Hội đồng quản trị; Ban quản lý dự án, Tổng giám đốc Công ty khảo sát giá cả thị trường, đánh giá, lựa chọn nhà thầu có uy .tín, năng lực để thương thảo cung cấp dịch vụ tư vấn, máy móc thiết bị, các hạng mục xây dựng cơ bản đạt chất lượng và giá cả tốt nhất, đảm bảo lợi ích cao nhất cho chủ đầu tư.

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017
Tổng tài sản	378.646.479.888	555.178.596.561
Doanh thu thuần	347.445.443.992	365.267.907.598
Lợi nhuận HĐKD	25.434.324.374	43.516.091.657
Lợi nhuận khác	12.761.364	-642.091.746
Lợi nhuận trước thuế	25.447.085.738	42.873.999.911
Lợi nhuận sau thuế	25.410.888.071	42.862.665.499

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2016 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,46	1,35
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,02	0,76
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,73%	53,09%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,60%	113,18%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	lần	7,47	3,22
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	0,92	0,78
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,31%	11,73%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,44%	17,02%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,71%	9,18%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,32%	11,91%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Cổ phần phổ thông	: 8.331.409 cổ phần
Cổ phần ưu đãi	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	: 8.331.409 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm Công ty Cổ phần Mía đường 333 không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

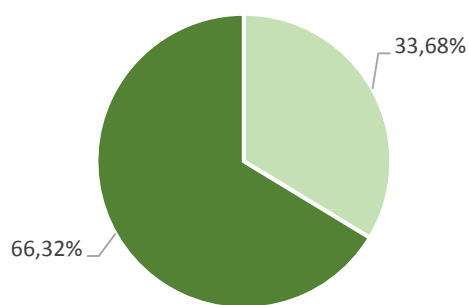
Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

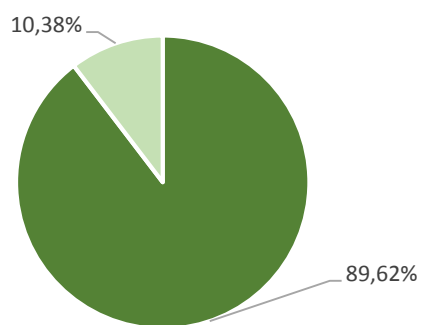
Không có.

Cơ cấu cổ đông



■ Tổ chức ■ Cá nhân

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn



■ Cổ đông lớn ■ Cổ đông khác



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ Tổng số CP
Cổ đông trong nước	124	8.331.409	100,00%
Cổ đông nước ngoài	-	-	0%
Cổ đông Nhà nước	-	-	0%
Tổng cộng	124	8.331.409	100,00%
Cổ đông tổ chức	3	2.806.235	33,68%
Cổ đông cá nhân	121	5.525.174	66,32%
Tổng cộng	124	8.331.409	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ Tổng số CP
1	Tổ chức	4.660.665	55,94%
2	Cá nhân	2.806.200	33,68%
3	Tổng cổ phiếu của công ty	8.331.409	100,00%



**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN
ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA
CÔNG TY**

**333
SUCO**

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là cây mía, Công ty tiến hành thu mua chủ yếu một phần từ thu mua và một phần từ vùng nguyên liệu tự chủ. Trong năm mía nguyên liệu không đạt chất lượng tốt do chịu ảnh hưởng của thời tiết đặt Công ty trước áp lực về đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra. Theo đó, Công ty đã xây dựng chính sách sử dụng nguồn nguyên liệu một cách hiệu quả nhằm quản lý hiệu quả nguồn nguyên liệu.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Hoạt động tiêu thụ năng lượng của Công ty luôn được kiểm soát tốt nhằm sử dụng hiệu quả và mang lại giá trị cao nhất cho sản phẩm.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước

Do đặc điểm vị trí địa lý ở vùng cao, nguồn nước đảm bảo đúng tiêu chuẩn để sản xuất và trồng trọt thường khá hiếm nên việc sử dụng cần phải có kế hoạch cụ thể nhất nhằm tránh lãng phí và sử dụng tốt nguồn nước.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế, tái sử dụng

Công ty luôn cố gắng sử dụng tối đa những phụ phẩm và phế phẩm từ quá trình sản xuất mía đường nhằm tối đa doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp tạo ra.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong niên vụ 2016 - 2017, Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật và không bị xử phạt vì vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhân lực là nhân tố không thể thiếu để tạo ra giá trị kinh tế cho doanh nghiệp. Bên cạnh chính sách đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, Công ty luôn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định cho người lao động để tạo động lực cho mọi thành viên trong tổ chức cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Cụ thể, trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng lao động, tuân thủ quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, đối với các trường hợp như thai sản, nghỉ hưu, đau ốm Công ty đều ưu tiên giải quyết nhanh chóng, tránh gây phiền hà cho người lao động.

Ngoài những đãi ngộ về mặt tài chính Công ty cũng quan tâm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên bằng cách tạo lập một môi trường làm việc tốt nhất để cán bộ công nhân viên có thể phát huy hết khả năng, nỗ lực làm việc hướng tới mục tiêu và định hướng phát triển trong tương lai của Công ty.

Chính sách phúc lợi cho đội ngũ Cán bộ nhân viên

Bên cạnh chính sách lương cơ bản, Công ty còn có các chế độ chính sách phúc lợi phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật BHXH, các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể: tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động v.v...

Ngoài ra, Công ty còn có các hoạt động chăm lo đời sống của người lao động: thiết lập thời gian nghỉ ngơi phù hợp, cải thiện môi trường làm việc, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, đảm bảo sức khỏe tinh thần và thể chất cho người lao động, .v.v...

Chính sách đào tạo

Để nâng cao năng suất lao động ngoài đầu tư vào máy móc thiết bị, Công ty còn tiến hành công tác quy hoạch và đào tạo cán bộ kế thừa trong năm, tiến hành sắp xếp, luân chuyển một số cán bộ chủ chốt tại các đơn vị nhằm tăng sức sáng tạo và hiệu quả trong công việc

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty trong năm qua đã mang đến những giá trị lợi ích thực tiễn khác. Cụ thể, trong niên vụ mía đường vừa qua do ảnh hưởng của thiên tai nên chữ đường trong cây mía nguyên liệu giảm. Nhưng Công ty vẫn tiến hành thu mua theo đúng giá thị trường (giá mía đường những tháng đầu năm 2017 khá cao).
- Hiện tại Công ty đang tận dụng hết những phụ phẩm từ quá trình sản xuất vừa nhằm gia tăng giá trị kinh tế vừa làm giảm áp lực chất thải ra môi trường.

333 SUCCO



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

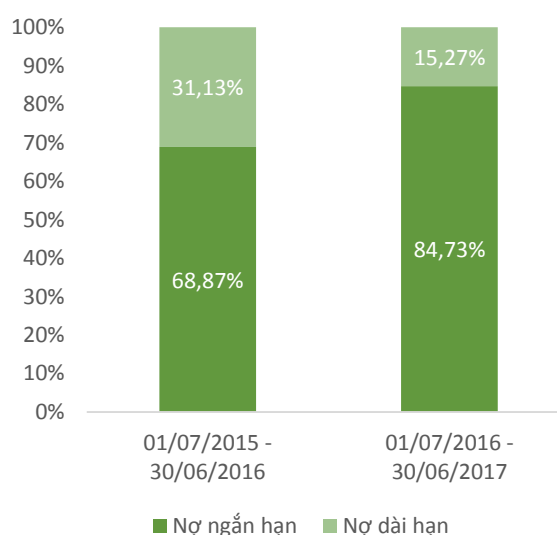
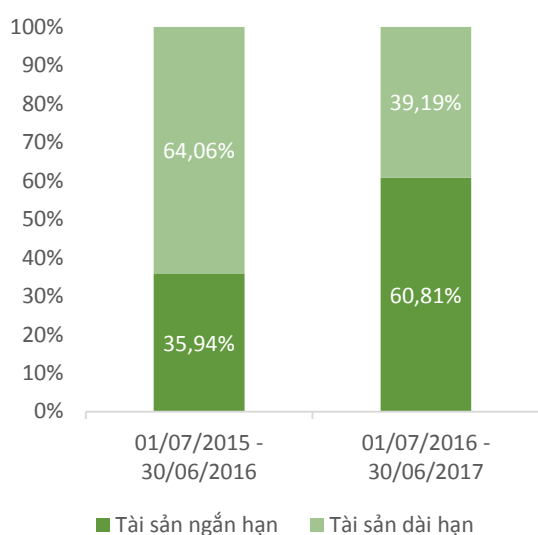
STT	Chỉ tiêu	01/07/2015 - 30/06/2016	01/07/2016 - 30/06/2017
A	Tổng doanh thu	402.288.194.152	370.563.631.519
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	395.464.827.015	365.267.907.598
2	DT hoạt động tài chính	6.686.886.127	5.055.041.634
3	Thu nhập khác	136.481.010	240.682.287
B	Tổng chi phí	376.525.921.816	327.689.631.608
1	Giá vốn hàng bán	354.739.132.066	305.680.856.664
2	Chi phí tài chính	7.772.084.819	9.207.972.156
3	Chi phí bán hàng	530.340.650	1.845.661.463
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.325.666.791	10.072.367.292
5	Chi phí khác	158.697.490	882.774.033
C	Lợi nhuận trước thuế	25.762.272.336	42.873.999.911
D	Thuế TNDN	36.853.748	11.334.412
E	Lợi nhuận sau thuế	25.725.418.588	42.862.665.499

Tổng kết niên vụ 2016 - 2017, kết quả kinh doanh Công ty đạt được là khá lạc quan. Theo đó, mặc dù so với kỳ trước Doanh thu kỳ này chỉ bằng khoảng 92% nhưng nhờ quản lý tốt chi phí (cụ thể là Giá vốn hàng bán) mà Lợi nhuận thu được của Công ty được cải thiện đạt hơn 42 tỷ đồng.

Doanh thu từ hoạt động tài chính chủ yếu là từ lãi ứng trước vốn trồng mía, đây là khoản lãi tiền mà Công ty sẽ ứng trước cho người dân để làm vốn trồng mía. Chi phí lãi vay chủ yếu từ các khoản vay nhằm phục vụ cho đầu tư mở rộng nâng cấp công suất thiết kế lên 3.500 TMN.

Tình hình tài chính

Chi tiêu	01/07/2015 - 30/06/2016		01/07/2016 - 30/06/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	136.084.902.129	35,94%	337.594.196.427	60,81%
Tài sản dài hạn	242.561.577.759	64,06%	217.584.400.134	39,19%
Tổng tài sản	378.646.479.888	100,00%	555.178.596.561	100,00%
Nợ ngắn hạn	93.187.177.834	68,87%	249.750.415.115	84,73%
Nợ dài hạn	42.114.438.698	31,13%	45.000.000.000	15,27%
Tổng nợ phải trả	135.301.616.532	100,00%	294.750.415.115	100,00%



Kết thúc niên vụ 2016 - 2017, tình hình Tài sản của Công ty có sự thay đổi lớn. Tài sản ngắn hạn đã tăng mạnh và chiếm tỷ trọng lớn hơn so Tài sản dài hạn.

Tài sản ngắn hạn tăng mạnh chủ yếu do Phải thu ngắn hạn khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Hàng tồn kho. Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng do giá mía thị trường niên vụ 2016 - 2017 cao hơn so với niên vụ trước dẫn đến giá thu mua mía nguyên liệu Công ty cũng tăng theo. Hàng tồn kho tăng chủ yếu là do thành phẩm. Thành phẩm tăng do Công ty vừa mới kết thúc niên vụ, và những thành phẩm này sẽ được đẩy đi tiêu thụ trong những tháng còn lại của năm.

Cơ cấu Nợ phải trả của Công ty không có nhiều thay đổi khi chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là Nợ ngắn hạn.

Nợ ngắn hạn tăng mạnh chủ yếu do Phải trả người bán ngắn hạn, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, Phải trả khác, Dự phòng phải trả. Phải trả người bán ngắn hạn do khoản nợ phải trả phát sinh theo hợp đồng thương mại với công ty TNHH MTV Hồng Ngọc, CTCP Công Nông Nghiệp Tiến Nông (mua phân bón và chất điều hòa PH). Công ty tăng Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Phải trả khác phần lớn là từ các chi phí phát sinh từ nông vụ và lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - CN Đà Nẵng. Dự phòng phải trả tăng do dự phòng phải trả tiền lương cho người lao động và trích trước chi phí sửa chữa lớn cho máy móc dây chuyền thiết bị.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2017, công tác tổ chức quản lý và xây dựng chính sách đã mang lại kết quả kinh doanh tốt cho Công ty. Công tác sản xuất diễn ra thuận lợi giúp Công ty hoàn thành được những chỉ tiêu đề ra. Công tác tài chính kế toán rõ ràng, chính xác giúp hoạt động quản trị của Ban lãnh đạo được thuận lợi. Chính sách phúc lợi, lương, thưởng cho người lao động được chú trọng, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi và môi trường làm việc để phát huy tối đa năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân, bố trí lao động hợp lý tại các phòng ban và trên dây chuyền sản xuất đảm bảo không lãng phí và đáp ứng công việc cao. Thường xuyên xem xét thực hiện việc chi trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ cho CBNV kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Công ty.

Tiếp tục thực hiện tăng cường phân quyền cho Trưởng các bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch của Công ty. Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về quy trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua quy trình quản lý của hệ thống ISO 9001:2008.



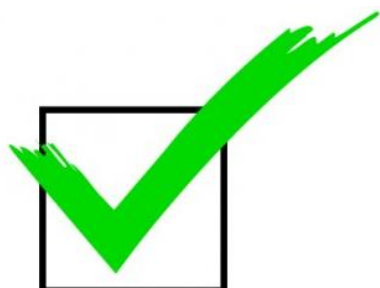
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

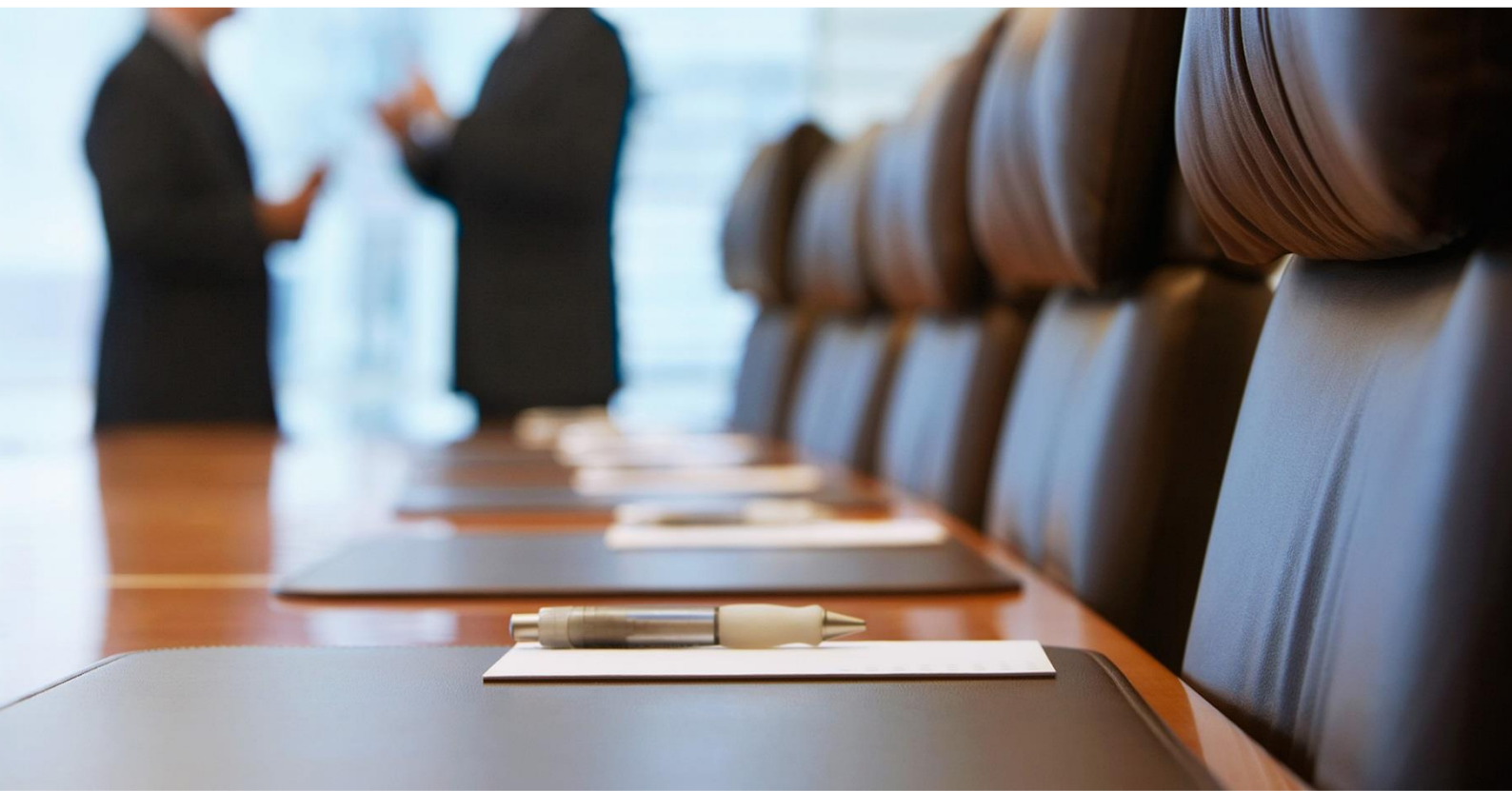
Nhận diện tình hình kinh tế trong nước giai đoạn 2016 - 2020 nói chung và ngành mía đường nói riêng sẽ hội nhập sâu rộng, thời cơ và thách thức đan xen, đòi hỏi phải thích ứng linh hoạt với điều kiện chung. Trong bối cảnh đó, nhiệm kỳ tới để đảm bảo Doanh nghiệp phát triển ổn định và bền vững, việc mở rộng công suất nhà máy đường có đầu tư lò hơi, tuabin cao áp để đốt bã dư bán điện, cùng cơ giới hóa ngành chế biến hạt điều xuất khẩu như là một nội dung có ý nghĩa quyết định hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, theo đó BDH đưa ra một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017-2018	2018-2019	2019-2020
I Sản xuất chế biến đường					
1	Doanh thu mía đầu tư	Ha	5.500	7.000	7.000
2	Sản lượng mía ép sạch	Tấn	330.000	420.000	420.000
3	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	34.736	44.210	44.210
4	Tỷ lệ mía/đường	Tấn	9,5	9,5	9,5
II Sản xuất chế biến điều nhân					
Tạm dừng sản xuất chế biến hạt điều theo đề nghị của Ban điều hành trong tình hình giá mua nguyên liệu cao hơn giá bán như hiện nay. Theo dõi và xin ý kiến HĐQT để tiếp tục thu mua sản xuất khi thích hợp.					
III Tổng doanh thu					
		Tr.đ	553.422	682.033	682.072
IV Lợi nhuận trước thuế					
		Tr.đ	36.998	46.994	47.000
V Cổ tức					
		%	15%	15%	15%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.





333 SUCCO

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù trong niên vụ 2016-2017 tình hình khó khăn của nền kinh tế vẫn còn diễn biến phức tạp, nhưng tập thể cán bộ công nhân viên tư tưởng ổn định, cố gắng vượt qua những khó khăn thách thức, an tâm gắn bó với công ty, tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể, chỉ tiêu doanh thu dù không đạt kế hoạch nhưng nhờ quản lý tốt chi phí nên Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 213% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ đề ra.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Công tác nguyên liệu mía

- Trong nửa cuối năm 2016 và đầu năm 2017 vừa qua tình hình thời tiết tại Tây Nguyên diễn biến khá phức tạp, theo đó chất lượng mía niên vụ 2016-2017 không quá tốt. Từ đó đã đặt Công ty trước áp lực phải tìm ra giống cây mía nguyên liệu có chất lượng và khả năng chống chịu tốt trước diễn biến thời tiết của vùng.
- Trong năm Công ty cũng thực hiện tốt công tác bao tiêu sản phẩm với các hộ nông trồng mía đường thông qua hợp tác xã Thăng Bình.

Công tác chế biến đường

- Trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ tiêu chuẩn định mức như tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; các định mức phụ tùng thiết bị để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm.
- Vùng mía nguyên liệu được chú trọng xây dựng nhằm cung cấp đầu vào ổn định lâu dài cho nhà máy. Công tác nông vụ được đầu tư, bên cạnh đó việc thu mua mía nguyên liệu đáp ứng đủ cho nhà máy hoạt động hết công suất góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động sản xuất chế biến đường nói riêng và sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung

Công tác tài chính

- Trước tình hình kinh tế thế giới còn diễn biến phức tạp và tình hình nợ xấu trong nước chưa khắc phục một cách triệt để, các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến khách hàng sẽ có khả năng xảy ra bất kỳ lúc nào đối với hoạt động SXKD của Công ty. Vì vậy, trong năm qua hoạt động tài chính luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ.
- Hiện tại Công ty đang có khoản vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho dự án nâng cấp nhà máy (tài trợ 80% từ vốn vay). Theo đó, Công ty đã lập kế hoạch sử dụng vốn vay hợp lý và hiệu quả nhất cho từng giai đoạn đầu tư của dự án nhằm hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

Công tác đầu tư phát triển

- Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2017 với tổng mức đầu tư 209.156.494.680 đồng (vốn vay 80%, vốn tự có 20%). Để đảm bảo tiến độ cho vụ ép 2017-2018, HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ cho phép không áp dụng Luật Đấu thầu trong công tác lựa chọn nhà thầu, giao HĐQT, Ban quản lý dự án, Tổng Giám đốc Công ty khảo sát giá cả thị trường.

đánh giá, lựa chọn nhà thầu có uy tín, năng lực để thương thảo cung cấp dịch vụ tư vấn, máy móc thiết bị, các hạng mục xây dựng cơ bản đạt chất lượng và giá cả tốt nhất, đảm bảo lợi ích cao nhất cho chủ đầu tư. Công ty sẽ tận dụng tối đa các điều kiện trang thiết bị, cơ sở hạ tầng hiện có, đầu tư bổ sung thiết bị, áp dụng công nghệ chế biến mới để đáp ứng được mục tiêu đầu tư của dự án.

ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, Cụ thể:

- Thực hiện đúng chức trách Tham mưu cho HĐQT, và làm đúng tinh thần các Quyết định, Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra.
- Có những kế hoạch sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả tốt.
- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động cụ thể đồng thời đề xuất các kế hoạch phù hợp để giải quyết các tình huống khó khăn.
- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã đáp ứng được yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của điều lệ và nhiệm vụ kế hoạch được giao, về cơ bản Ban Tổng Giám đốc đã chấp hành Điều lệ, quy chế, quy định Công ty và sự chỉ đạo giám sát của HĐQT và BKS.
- Căn cứ những quy chế, quy định của HĐQT đã ban hành và căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã chú trọng công tác giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được hiệu quả, an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.



Các giải pháp thực hiện

Tổ chức quản lý

- Đào tạo kỹ năng quản lý cho các Tổ trưởng, huấn luyện để nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về các kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình, quy định, từ đó hạn chế các sai lỗi trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.
- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.
- Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi.
- Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình phải làm, làm được và tuân thủ thực hiện .

Công tác tài chính

- Theo dõi giá nguyên liệu đầu vào để có chi phí kinh doanh hợp lý phù hợp với tình hình tài chính Công ty.
- Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Kiểm soát chi phí hoạt động, lập và phân tích đầy đủ các phương án kinh doanh và đầu tư để phòng ngừa rủi ro hữu hiệu, giúp gia tăng giá trị, đảm bảo hiệu quả kinh doanh

Công tác đầu tư phát triển

- Cải tiến thay thế máy móc thiết bị theo hướng hiện đại hơn nhằm giải quyết các điểm nút thắt tại xưởng sản xuất.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo tạo ra đường tinh luyện có chất lượng tốt.



CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh khó khăn chung của ngành mía đường vào năm 2018 khi thuế xuất nhập khẩu về 0%, những sản phẩm đường của Công ty sẽ khó có thể cạnh tranh với đường Thái Lan cả về chất lượng lẫn giá bán. Bên cạnh đó, tình trạng đường nhập lậu sẽ còn tiếp tục gia tăng nếu cơ quan chức năng không có biện pháp xử lý triệt để. Cùng với những tác nhân trên là diễn biến bất thường của thị trường; Nền kinh tế sẽ tiếp tục đối diện với nguy cơ bất ổn vĩ mô, lạm phát, lãi suất, tỷ giá. Dựa trên những nhận định này HĐQT Công ty đã đề ra những phương hướng thực hiện cho niên vụ 2017-2018 như sau:

Công tác Tổ chức - Lao động - Tiền lương

- Duy trì hoạt động ổn định: đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, an toàn tài sản và người lao động.
- Tiếp tục cải tiến năng suất lao động thông qua ổn định lao động, đào tạo, tạo động lực để khuyến khích; Tăng cường quản lý công tác nghiệp vụ để phục vụ sản xuất

Công tác thượng trực HĐQT

- Công tác kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng kế hoạch và nội dung chương trình hàng quý, năm.
- Thường xuyên Kiểm tra, giám sát, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết HĐQT; việc áp dụng các quy chế quản lý nội bộ; chấp hành pháp luật nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để kịp thời chỉ ra những khâu yếu, mặt yếu, đồng thời tìm các giải pháp, biện pháp khắc phục kịp thời đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra kiểm soát, tạo điều kiện cho hoạt động của Ban kiểm soát nhằm phát hiện cảnh báo kịp thời rủi ro trong công tác điều hành qua việc tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế trong mọi hoạt động của Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm theo đúng quy định và đạt kết quả cao.

333 SUCO



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

Hoạt động của HĐQT

Trong khoản thời gian từ 01/07/2016 đến 30/06/2017, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Bá Thành	Chủ tịch	03	100%	-
2	Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	03	100%	-
3	Ông Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	03	100%	-
4	Ông Phạm Cao Hà	Thành viên	03	100%	-
5	Ông Đặng Việt Anh	Thành viên	02	66%	Miễn nhiệm từ 13/02/2017
6	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	01	33%	Bổ nhiệm từ 13/02/2017

Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị từ 01/07/2016 – 30/06/2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	219/2016/QĐ-HĐQT	01/07/2016	Về việc miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý
2	236/2016/QĐ-HĐQT	12/07/2016	Về việc miễn nhiệm cán bộ quản lý Công ty (Ông Lê Ngọc Nhơn)
3	237/2016/QĐ-HĐQT	12/07/2016	Về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty (Ông Nguyễn Ngọc Thọ)
4	94/2016/NQ-HĐQT	27/10/2016	Về việc miễn nhiệm cán bộ quản lý Công ty (Ông Nguyễn Ngọc Thọ)
5	492/2016/QĐ-HĐQT	03/11/2016	Về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty (Ông Nguyễn Xuân Minh)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong năm đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị trao đổi, đóng góp và đưa ra giải pháp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh của công ty.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Không có



Các biên bản của Hội đồng quản trị từ 01/07/2016 – 30/06/2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2016/ BB- HĐQT	03/11/2016	<ul style="list-style-type: none">Báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ Quý 1 niên độ 2016-2017 (Từ 01/7/2016-30/9/216).Báo cáo về Công tác nguyên liệu chuẩn bị cho vụ ép 2016-2017.Báo cáo về Công tác Bảo dưỡng sửa chữa chuẩn bị cho vụ ép 2016-2017.Báo cáo về công tác định biên, sắp xếp lại lao động chuẩn bị cho vụ ép 2016-2017.Bổ sung, sửa đổi tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2016-2017 (nếu có).Phân công nhiệm vụ các thành viên điều hành chương trình ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2016-2017.
2	04/2016/ BB- HĐQT	30/12/2016	<ul style="list-style-type: none">Báo cáo của TGD về tình hình chuẩn bị cho vụ sản xuất 2016-2017.Báo cáo về Công tác nguyên liệu chuẩn bị cho vụ ép 2016-2017.Báo cáo về Công tác Bảo dưỡng sửa chữa chuẩn bị cho vụ ép 2016-2017.Báo cáo về công tác định biên, sắp xếp lại lao động chuẩn bị cho vụ ép 2016-2017.Công tác KHKD; Kế toán tài chính.Thông qua Quy chế tổ chức bộ máy quản lý của công ty .Thông qua Dự án Đầu tư Đồng phát điện và nâng công suất nhà máy đường 333 từ 2500 lên 3500TMN.
3	01/2017/ BB- HĐQT	13/02/2017	<ul style="list-style-type: none">Thông qua một số tờ trình của Dự án Mở rộng công suất Nhà máy đường từ 2.500 lên 3.500 tấn mía ngày và các nội dung liên quan.Tờ trình xin thành lập Ban quản lý dự án.Tờ trình phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu.Tờ trình xin phê duyệt lựa chọn thiết bị và đơn vị cung cấp Lò hơi và Tuabin (EPC).Tờ trình xin phê duyệt các hạng mục thiết bị Công ty tự chế tạo.Tờ trình xin kinh phí cho tổ tư vấn lập dự án MRCS từ 2500 lên 3.500 TMN.Tờ trình xin ứng vốn bán đường để phục vụ triển khai dự án nâng công suất nhà máy.Thông qua tờ trình xin phê duyệt tiêu thụ bã mía vụ 2016-2017.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tổng kết niên độ 2016/2017, Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hoạt động của BKS tập trung vào các lĩnh vực kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị. Đồng thời, giám sát tốt tình hình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty của các cán bộ quản lý của Công ty. Cụ thể các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm như sau:

- Ban Kiểm Soát đã thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị trong các kỳ họp định kỳ. Định kỳ, Ban kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, BTGD các giải pháp khắc phục;
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng;
- Quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Bá Thành	CT HĐQT	180.000.000	-	37.500.000	
2	Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	120.000.000	-	25.000.000	
3	Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	120.000.000	-	25.000.000	
4	Phạm Cao Hà	Thành viên	120.000.000	-	29.680.000	
5	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	40.000.000	-	10.000.000	Bổ nhiệm ngày 13/02/2017
BAN KIỂM SOÁT						
1	Trần Thị Nhi	Trưởng ban	120.000.000	-	25.000.000	
2	Nguyễn Bá Khiêm	Thành viên	84.000.000	-	17.500.000	
3	Nguyễn Xuân Sỹ	Thành viên	84.000.000	-	14.220.000	
BAN ĐIỀU HÀNH						
1	Đoàn Ngọc Sơn	TGD	-	433.125.000	88.690.000	
2	Nguyễn Xuân Minh	Phó TGD	-	241.392.857	55.750.000	
3	Nguyễn Xuân Quang	KTT	-	267.573.692	55.750.000	
Tổng cộng			868.000.000	942.091.549	384.090.000	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Mía đường 333 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật về quản trị công ty.



333 SUCCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

Địa chỉ: Thị trấn Eaknốp, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường 333 (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Mía đường 333 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000181156 ngày 28/06/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ chín ngày 05/07/2016.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến đường mía;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; sản xuất nước ngọt có gas và không có gas;
- Sản xuất kinh doanh phân bón;

Công ty có trụ sở tại Thị trấn Eaknốp, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| - Ông Nguyễn Bá Thành | Chủ tịch | |
| - Ông Nguyễn Xuân Quang | Thành viên | |
| - Ông Đoàn Ngọc Sơn | Thành viên | |
| - Ông Phạm Cao Hà | Thành viên | |
| - Ông Đặng Việt Anh | Thành viên | <i>Miễn nhiệm ngày 13/02/2017</i> |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Thành viên | <i>Bổ nhiệm ngày 13/02/2017</i> |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|-------------------|-----------------------------------|
| - Ông Đoàn Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 01/07/2016</i> |
| - Ông Nguyễn Ngọc Thọ | Phó Tổng Giám đốc | <i>Miễn nhiệm ngày 01/11/2016</i> |
| - Ông Lê Ngọc Nhơn | Phó Tổng Giám đốc | <i>Miễn nhiệm ngày 12/07/2016</i> |
| - Ông Nguyễn Xuân Minh | Phó Tổng Giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 07/11/2016</i> |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bá Thành - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| - Bà Trần Thị Nhi | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Bá Khiêm | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Xuân Sỹ | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 9 năm 2017

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Sơn



Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

th
20 Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: 244/2017/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường 333
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2017

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Mía đường 333, được lập ngày 18 tháng 09 năm 2017 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Mía đường 333 tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/06/2016 (chưa được kiểm toán). Báo cáo tài chính này được tổng hợp từ báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính chuyển đổi từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính 6 tháng cuối năm 2015 của Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2013-038-1

Trịnh Thu Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2993-2015-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		337.594.196.427	136.084.902.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	610.844.549	1.070.994.887
1. Tiền	111		610.844.549	1.070.994.887
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188.391.308.912	93.472.356.876
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	59.169.118.319	37.498.861.038
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	138.717.816.514	63.698.033.378
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.123.598.753	4.486.105.025
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(12.619.224.674)	(12.210.642.565)
IV. Hàng tồn kho	140		148.592.042.966	41.119.194.029
1. Hàng tồn kho	141	V.6	148.592.042.966	41.119.194.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	422.356.337
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	422.353.329
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	3.008
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		217.584.400.134	242.561.577.759
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		215.503.755.665	239.880.268.550
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	214.130.211.320	239.478.389.030
<i>Nguyên giá</i>	222		476.201.112.907	469.519.467.419
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(262.070.901.587)	(230.041.078.389)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.373.544.345	401.879.520
<i>Nguyên giá</i>	228		1.754.200.527	725.565.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(380.656.182)	(323.685.680)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	1.283.500.000	2.133.500.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.283.500.000	2.133.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		797.144.469	547.809.209
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	797.144.469	547.809.209
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		555.178.596.561	378.646.479.888

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		294.750.415.115	135.301.616.532
I. Nợ ngắn hạn	310		249.750.415.115	93.187.177.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	10.247.907.145	2.565.869.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.040.103.333	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.473.682.208	215.405.397
4. Phải trả người lao động	314		4.729.670.368	17.091.129.369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	511.644.262	202.398.584
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	25.975.590.606	10.360.773.711
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	189.086.702.698	56.896.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	10.662.170.935	1.123.744.250
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.022.943.560	4.731.856.754
II. Nợ dài hạn	330		45.000.000.000	42.114.438.698
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.12	30.000.000.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	15.000.000.000	34.879.702.698
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	-	7.234.736.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.428.181.446	243.344.863.356
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	260.428.181.446	243.344.863.356
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.314.090.000	83.314.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.314.090.000	83.314.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.155.900.000	11.155.900.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		88.015.493.349	82.933.315.735
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.942.698.097	65.941.557.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.080.032.598	40.216.139.033
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.862.665.499	25.725.418.588
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		555.178.596.561	378.646.479.888

Lập ngày 18 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Xuân Quang

Đoàn Ngọc Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính 2016 - 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	365.267.907.598	395.464.827.015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		365.267.907.598	395.464.827.015
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	305.680.856.664	354.739.132.066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.587.050.934	40.725.694.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.055.041.634	6.686.886.127
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.207.972.156	7.772.084.819
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.207.972.156	7.772.084.819
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.845.661.463	530.340.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.072.367.292	13.325.666.791
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.516.091.657	25.784.488.816
11. Thu nhập khác	31	VI.7	240.682.287	136.481.010
12. Chi phí khác	32	VI.8	882.774.033	158.697.490
13. Lợi nhuận khác	40		(642.091.746)	(22.216.480)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.873.999.911	25.762.272.336
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	11.334.412	36.853.748
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.862.665.499	25.725.418.588
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	5.145	3.252

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Xuân Quang

Lập ngày 18 tháng 09 năm 2017



Đoàn Ngọc Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2016 - 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.873.999.911	25.762.272.336
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	33.006.504.171	32.967.153.964
- Các khoản dự phòng	03	2.712.272.794	19.526.009.126
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	484.814	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.612.400.622)	(5.105.505.590)
- Chi phí lãi vay	06	9.207.972.156	7.772.084.819
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.188.833.224	80.922.014.655
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(37.483.921.750)	19.327.754.049
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(107.472.848.937)	(2.035.147.066)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	47.244.985.266	(46.941.340.734)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	332.352.160	(165.928.344)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.885.879.094)	(17.380.021.204)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.391.648)	(76.451.354)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.083.977.204
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.742.843.819)	(3.025.345.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.854.714.598)	31.709.511.741
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(68.058.104.201)	(6.297.890.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	418.818.181	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.717.562.094	5.105.505.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(60.921.723.926)	18.807.615.590

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2016 - 2017

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	252.385.069.021	96.845.959.069		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(140.074.069.021)	(186.751.058.961)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.994.227.000)	-		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>87.316.773.000</i>	<i>(89.905.099.892)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(459.665.524)	(39.387.972.561)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.070.994.887	40.458.967.448	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(484.814)	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>610.844.549</u>	<u>1.070.994.887</u>	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 18 tháng 09 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Xuân Quang

Đoàn Ngọc Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính 2016 - 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Mía đường 333 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000181156 ngày 28/06/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ chín ngày 05/07/2016.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất chế biến, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh đường, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Sản xuất kinh doanh nước lọc đóng chai;
- Sản xuất kinh doanh phân bón;
- Kinh doanh xăng dầu, vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2017 là 302 người (Tại ngày 30/06/2016 là 459 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu được tổng hợp từ báo cáo tài chính cho năm tài chính chuyển đổi từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 và báo cáo tài chính 6 tháng cuối năm 2015 (năm tài chính 2015) của Công ty Cổ phần Mía đường 333.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/07 năm trước đến ngày 30/06 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 53/2016/TT - BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán***Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ*

Tỷ giá thực tế khi đánh giá lại đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là chi phí phát sinh phục vụ cho việc sản xuất mía nguyên liệu do Công ty tự đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 15 năm
Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán thuế**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh đường: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 10% trong 15 năm (từ năm 2006 đến năm 2020), đồng thời Công ty được miễn thuế TNDN 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2010 đến năm 2018 (những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên được quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ).

Riêng đối với thu nhập từ sản xuất đường và chế biến hạt điều, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1907/CT-TTHT ngày 10/08/2015 của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ từ 24 đến 36 tháng; chi phí quy hoạch vùng nguyên liệu, chi phí khảo nghiệm giống mía, công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu/hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: tiền điện, nước, điện thoại... Chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm chi phí lãi vay phải trả được ước tính căn cứ vào số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng cho khoản vay và một số khoản trích trước khác.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả tại thời điểm cuối năm tài chính bao gồm dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật) được trích lập căn cứ trên kế hoạch sửa chữa TSCĐ định kỳ của Công ty và quỹ lương dự phòng được trích căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện trong năm 2016 -2017 và kế hoạch tiền lương năm tới của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần***

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Trong năm tài chính 2016 - 2017, công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04/11/2016. Theo đó, công ty trích quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2016 (từ 01/01/2016 đến 30/06/2016).

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán đường, mật ri, phân bón... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tiền ngoại tệ cuối kỳ.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chênh lệch tỷ giá: Được ghi nhận theo số thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thực tế chi trả tuy nhiên chưa hoàn thiện các thủ tục để sang tên quyền sử dụng đất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.397.000	179.283.633
Tiền gửi ngân hàng	591.447.549	891.711.254
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	610.844.549	1.070.994.887
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	610.844.549	1.070.994.887

2. Phải thu khách hàng**Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Thành Thúy	49.799.016.000	22.498.858.948
Công ty TNHH Kim Hà Việt	6.457.404.000	15.000.000.000
Các khách hàng còn lại	2.912.698.319	2.090
Cộng	59.169.118.319	37.498.861.038

3. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu	79.619.836.238	63.527.084.674
Công ty TNHH Thiết bị và giải pháp năng lượng	39.952.000.000	
Các khách hàng còn lại	19.145.980.276	170.948.704
Cộng	138.717.816.514	63.698.033.378

4. Phải thu khác**Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi ứng trước vốn trồng mía	2.686.578.628	(2.686.578.628)	4.349.099.088	(3.175.062.998)
Chi phí QLDA nâng cấp lên 3500 TMN	349.089.100	-	-	-
Phải thu khác	87.931.025	-	137.005.937	-
Cộng	3.123.598.753	(2.686.578.628)	4.486.105.025	(3.175.062.998)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán						
Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu	10.237.539.874	9.928.830.354	308.709.520	12.459.222.292	9.035.579.567	3.423.642.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Phải thu khác**

Lãi ứng trước vốn trồng mía	2.690.394.320	2.690.394.320	-	3.175.062.998	3.175.062.998	-
Cộng	12.927.934.194	12.619.224.674	308.709.520	15.634.285.290	12.210.642.565	3.423.642.725

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.015.850.595	-	10.002.024.258	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.455.667	-	186.319.584	-
Thành phẩm	137.788.320.803	-	30.052.599.766	-
Hàng hóa	1.746.415.901	-	876.457.468	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.792.953	-
Cộng	148.592.042.966	-	41.119.194.029	-

Giá trị hàng tồn kho trên được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-Chi nhánh Đắk Lắk (Xem Thuyết minh V.17 Thuyết minh BCTC).

7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	53.246.534	305.991.027
- Chi phí quy hoạch vùng nguyên liệu chờ phân bổ	34.545.455	241.818.182
- Chi phí khảo nghiệm giống mía	176.026.455	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	533.326.025	-
Cộng	797.144.469	547.809.209

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	122.754.081.857	340.161.666.088	6.481.226.474	122.493.000	469.519.467.419
Mua trong năm	2.258.537.511	6.323.543.645	-	-	8.582.081.156
Đầu tư xây dựng cơ cấu	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(796.435.668)	(1.104.000.000)	-	-	(1.900.435.668)
Số cuối năm	124.216.183.700	345.381.209.733	6.481.226.474	122.493.000	476.201.112.907
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	58.722.480.518	168.261.500.378	2.978.329.493	78.768.000	230.041.078.389
Khấu hao trong năm	6.896.975.825	25.752.021.928	599.876.757	33.536.363	33.282.410.873
Thanh lý, nhượng bán	(488.646.008)	(763.941.667)	-	-	(1.252.587.675)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	65.130.810.335	193.249.580.639	3.578.206.250	112.304.363	262.070.901.587
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	64.031.601.339	171.900.165.710	3.502.896.981	43.725.000	239.478.389.030
Số cuối năm	59.085.373.365	152.131.629.094	2.903.020.224	10.188.637	214.130.211.320

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 67.786.379.006 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay:

(Chi tiết tại mục V.17 Thuyết minh BCTC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	304.651.200	420.914.000	725.565.200
Mua trong năm	1.263.586.527	-	1.263.586.527
Thanh lý, nhượng bán	(234.951.200)	-	(234.951.200)
Số cuối năm	1.333.286.527	420.914.000	1.754.200.527
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	41.824.585	281.861.095	323.685.680
Khấu hao trong năm	4.356.251	52.614.251	56.970.502
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	46.180.836	334.475.346	380.656.182
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	262.826.615	139.052.905	401.879.520
Số cuối năm	1.287.105.691	86.438.654	1.373.544.345

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 1.287.105.692 đồng.

(Chi tiết tại mục V.17 Thuyết minh BCTC).

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.283.500.000	2.133.500.000
Cộng	1.283.500.000	2.133.500.000

11. Phải trả người bán*Phải trả người bán ngắn hạn*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Chi nhánh TCT Cà phê VN - Công ty Kinh Doanh Tổng Hợp ViNaCaFe Quy Nhơn	-	-	640.000.000	640.000.000
HTX Nông nghiệp & DV Thanh Hải	-	-	877.194.910	877.194.910
Ông Phan Văn Phú	-	-	789.741.194	789.741.194
Công ty TNHH MTV Hồng Ngọc	1.178.800.000	1.178.800.000	-	-
Công ty CP Công Nông Nghiệp Tiến Nông	7.198.050.000	7.198.050.000	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	1.871.057.145	1.871.057.145	258.933.665	258.933.665
Cộng	10.247.907.145	10.247.907.145	2.565.869.769	2.565.869.769

12. Người mua trả tiền trước**12.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thương mại Dung Bàn	40.103.333	-
Công ty TNHH Thép Trường Tuấn	2.000.000.000	-
Cộng	2.040.103.333	-

12.2 Người mua trả tiền trước dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thương mại Dung Bàn	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****13.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	17.593.574.060	14.517.648.183	3.075.925.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.391.575	11.334.412	35.391.648	11.334.339
Thuế thu nhập cá nhân	152.522.549	1.095.926.339	919.105.705	329.343.183
Thuế tài nguyên	27.491.273	82.781.884	92.087.157	18.186.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	181.617.476	181.617.476	-
Các loại thuế khác	-	154.685.355	115.792.546	38.892.809
Cộng	215.405.397	19.119.919.526	15.861.642.715	3.473.682.208

13.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.008	-	3.008	-
Cộng	3.008	-	3.008	-

14. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	450.299.062	106.810.184
Các khoản trích trước khác	61.345.200	95.588.400
Cộng	511.644.262	202.398.584

15. Phải trả khác**Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	508.342.760	-
BHXX, BHYT, BHTN	30.321.739	257.879.471
Kinh phí công đoàn	97.829.374	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.500.276.000	186.444.000
Phải trả khác	23.838.820.733	9.916.450.240
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - CN Đà Nẵng	8.165.728.762	8.365.728.762
Chi phí hỗ trợ đầu tư mía nguyên liệu	4.243.369.000	430.276.000
Chi phí vận chuyển mía phải trả	2.365.494.619	3.783.306
Phải trả kinh phí nông vụ	7.626.804.660	-
Phải trả, phải nộp khác	1.437.423.692	1.116.662.172
Cộng	25.975.590.606	10.360.773.711

16. Dự phòng phải trả**Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí trợ cấp mất việc làm	-	1.123.744.250
Dự phòng tiền lương	3.716.788.935	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	6.945.382.000	-
Cộng	10.662.170.935	1.123.744.250

Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	7.234.736.000
Cộng	-	7.234.736.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	252.385.069.021	120.178.069.021	169.207.000.000	169.207.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	62.500.000.000	25.000.000.000	37.500.000.000	37.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	-	-	82.500.000.000	23.000.000.000	59.500.000.000	59.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	22.000.000.000	22.000.000.000	25.000.000.000	27.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	-	-	24.000.000.000	6.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương	15.000.000.000	15.000.000.000	58.385.069.021	39.178.069.021	34.207.000.000	34.207.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	19.896.000.000	19.896.000.000	19.879.702.698	19.896.000.000	19.879.702.698	19.879.702.698	
Ngân hàng TMCP Á Châu	19.896.000.000	19.896.000.000	19.879.702.698	19.896.000.000	19.879.702.698	19.879.702.698	
Vay dài hạn	34.879.702.698	34.879.702.698	-	19.879.702.698	15.000.000.000	15.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu	34.879.702.698	34.879.702.698	-	19.879.702.698	15.000.000.000	15.000.000.000	
Cộng	91.775.702.698	91.775.702.698	272.264.771.719	159.953.771.719	204.086.702.698	204.086.702.698	

17.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	40.000.000.000	Tối đa 12 tháng cho từng lần nhận nợ	Quy định cụ thể trên từng kế ước nhận nợ	- Bất động sản: Công trình "Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường 333 từ 800 lên 2500 tấn mía/ngày tại thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk". - Động sản: dây chuyền sản xuất đường tiêu thụ mía 2500 tấn/ngày và nhà máy nhiệt điện 3MW (bao gồm lò hơi công suất hơi 40 tấn hơi/giờ- công suất tuabin- máy phát điện 3MW và các hạng mục hỗ trợ). - Các khoản phải thu từ quyền đòi nợ và quyền phát sinh là các khoản tiền và toàn bộ các quyền, lợi ích Công ty CP Mía đường 333 có được theo các hợp đồng được ký kết giữa Công ty CP Mía đường 333 và các bên có nghĩa vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Đắk Lắk Hợp đồng vay 170417/333/HĐTD	60.000.000.000	Tối đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ	- Tài sản của công ty là hệ thống nhà kho, nhà làm việc và máy móc thiết bị thuộc khu vực xưởng chế biến hạt điều theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 189415 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 17/07/2009. - Quyền đòi nợ đối với các tổ, đội sản xuất, hợp tác xã và các hội nông dân trồng, chăm sóc mía, kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản gắn liền trên đất đảm bảo cho khác khoản nợ đầu tư của các hộ nông dân trồng mía.
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Đắk Lắk Hợp đồng vay 0010/2017/HĐTDTM	50.000.000.000	Tối đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ	Được thỏa thuận cụ thể trong từng khế ước nhận nợ	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai đối với tổ, đội sản xuất, hợp tác xã, cá nhân, hộ gia đình nhận tạm ứng đầu tư nguyên liệu mía.
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đắk Lắk Hợp đồng vay 004.HĐTD2.410.17	19.000.000.000	Quy định cho từng lần nhận nợ	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ	- Khoản phải thu luân chuyển chốt số dư tối thiểu trị giá tối thiểu là: 10.000.000.000 VND. - Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu, để tại kho công ty, không bảo vệ chốt giữ, chốt giá trị hàng tồn kho tối thiểu 20.000.000.000 VND là loại hàng hóa nguyên liệu, thành phẩm và bán thành phẩm đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Đắk Lắk Hợp đồng vay 16.20.0079/2016- HỆTDHM/NHCT502- MIADUONG333	30.000.000.000	Tối đa 04 tháng cho từng lần nhận nợ	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ	Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Quyền đòi nợ các khoản đầu tư (các khoản tiền mặt và phân bổ và hiện vật khác mà công ty CP mía đường 333 đã đầu tư) của công ty CP mía đường 333 đối với các tổ, đội sản xuất, hợp tác xã và các hộ dân trồng và chăm sóc mía phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty CP mía đường 333; (ii) Các khoản tiền, lợi ích thu được từ việc xử lý TSĐB của Bên nhận đầu tư...) của công ty CP mía đường 333 phát sinh từ các hợp đồng đầu tư và thu mua mía nguyên liệu (kèm theo hợp đồng thế chấp và nhận đầu tư nguyên liệu mía).
Hợp đồng vay 16.40.0079-01/2016- HỆTD/NHCT502- MIADUONG333	30.000.000.000	Thời hạn vay cho các khoản nợ là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ	

17.2 Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

Khoản vay	Hạn mức cho vay	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đắk Lắk Hợp đồng vay DAL.DN.05.190913	50.625.000.000	81 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, ngày đáo hạn 11/4/2020	Lãi suất 11%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần	- 01 dây chuyền sản xuất đường tiêu thụ mía 2500 tấn/ngày. - 01 nhà máy nhiệt điện 3MW (bao gồm lò hơi công suất 40 tấn hơi/giờ- công suất tuabin- máy phát điện 3MW và các hạng mục hỗ trợ).
Hợp đồng vay DAL.DN.04.190913	55.765.702.698	58 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, ngày đáo hạn 25/5/2018	Lãi suất 11%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	83.314.090.000	11.155.900.000	-	75.680.316.243	50.864.760.544	232.170.966.787
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.725.418.588	25.725.418.588
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	7.252.999.492	(10.648.621.511)	(3.395.622.019)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	83.314.090.000	11.155.900.000	-	82.933.315.735	65.941.557.621	243.344.863.356
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	42.862.665.499	42.862.665.499
Tăng khác (*)	-	-	-	-	581.687.420	581.687.420
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(24.994.227.000)	(24.994.227.000)
Phân phối các quỹ (**)	-	-	-	5.082.177.614	(6.448.985.443)	(1.366.807.829)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	83.314.090.000	11.155.900.000	-	88.015.493.349	77.942.698.097	260.428.181.446

(*): Tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh theo kết luận thanh tra năm 2015.

(**): Trong năm, Công ty trích quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 (từ 01/01/2016 đến 30/06/2016) của Công ty theo Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 - 2017 và chi trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 30%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần mía đường Đắk Lắk	20.745.000.000	20.745.000.000
Bà Trần Thị Thu Thủy	18.696.050.000	18.696.050.000
Bà Trần Thị Ngọc Dung	15.181.620.000	15.181.620.000
Bà Huỳnh Thị Tiếc	12.521.770.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.317.000.000	7.317.000.000
Các cổ đông khác	8.852.650.000	21.374.420.000
Cộng	83.314.090.000	83.314.090.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	83.314.090.000	83.314.090.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	83.314.090.000	83.314.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.994.227.000	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.331.409	8.331.409
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu phổ thông	8.331.409	8.331.409
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu phổ thông	8.331.409	8.331.409

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ mà Công ty nắm giữ theo nguyên tệ như sau:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	496,38	549,18

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	365.267.907.598	395.464.827.015
Doanh thu bán đường và phụ phẩm đường	348.100.913.635	338.353.697.565
Doanh thu bán hạt điều	-	41.900.990.399
Doanh thu bán phân bón	15.637.018.750	6.084.894.681
Doanh thu khác	1.529.975.213	9.125.244.370
Cộng	365.267.907.598	395.464.827.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	305.680.856.664	354.739.132.066
Giá vốn đường và phụ phẩm đường	289.814.624.151	302.107.419.574
Giá vốn hạt điều	-	39.762.738.294
Giá vốn phân bón	15.400.599.954	5.937.122.384
Giá vốn khác	465.632.559	6.931.851.814
Cộng	<u>305.680.856.664</u>	<u>354.739.132.066</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.929.885	1.692.393.393
Lãi ứng trước vốn trồng mía	5.034.626.935	4.954.495.326
Lãi chênh lệch tỷ giá	484.814	39.997.408
Cộng	<u>5.055.041.634</u>	<u>6.686.886.127</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	9.207.972.156	7.772.084.819
Chi phí tài chính khác	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	<u>9.207.972.156</u>	<u>7.772.084.819</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.544.457.982	345.761.157
Chi phí vật liệu, bao bì	13.547.125	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	158.868.212	161.052.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.788.144	23.526.885
Chi phí bằng tiền khác	8.000.000	-
Cộng	<u>1.845.661.463</u>	<u>530.340.650</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.402.107.582	1.655.654.417
Chi phí vật liệu quản lý	594.918.147	332.074.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	903.766.508	529.899.217
Thuế, phí và lệ phí	639.755.734	401.071.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	663.212.858	964.412.585
Chi phí bằng tiền khác	5.868.606.463	9.442.554.651
Cộng	<u>10.072.367.292</u>	<u>13.325.666.791</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Tiền phạt thu được	50.000.000	-
Các khoản khác	190.682.287	136.481.010
Cộng	<u>240.682.287</u>	<u>136.481.010</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	442.641.012	-
Khấu hao TSCĐ không dùng cho hoạt động SXKD	373.354.460	-
Các khoản bị phạt	58.143.752	56.457.372
Các khoản khác	8.634.809	102.240.118
Cộng	<u>882.774.033</u>	<u>158.697.490</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	330.551.626.290	277.810.353.266
Chi phí nhân công	24.736.356.016	31.730.761.396
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.570.514.991	32.770.131.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.438.481.856	13.632.814.185
Chi phí khác bằng tiền	1.241.423.397	1.092.969.084
Cộng	<u>393.538.402.550</u>	<u>357.037.029.886</u>

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.334.412	36.853.748
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>11.334.412</u>	<u>36.853.748</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	42.873.999.911	25.762.272.336
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	2.732.542.721	2.351.375.412
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>2.732.542.721</u>	<u>2.351.375.412</u>
Các khoản phạt	58.143.752	56.457.372
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.674.398.969	2.294.918.040
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	45.606.542.632	28.113.647.748
Trong đó		
Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế	45.379.854.389	27.376.572.788
Thu nhập từ hoạt động khác	226.688.243	737.074.960
Thuế suất	5%	5%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	<u>11.334.412</u>	<u>36.853.748</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.862.665.499	25.725.418.588
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	42.862.665.499	25.725.418.588
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	1.366.807.829
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	8.331.409	8.331.409
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.145	3.252

(*) Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	8.331.409	8.331.409
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.331.409	8.331.409

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	1.224.080.000	890.353.846
Thu nhập Ban Giám đốc	1.367.385.780	1.666.767.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2.2 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông
Công ty TNHH TM Dung Bàn	Chung cổ đông lớn
Công ty TNHH TM Thành Thúy	Chung cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH TM Dung Bàn		
Bán đường	5.338.507.333	6.950.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán đường	36.234.099.000	50.684.516.228
Mua nguyên vật liệu	56.510.300	
Công ty TNHH TM Thành Thúy		
Bán đường	269.200.157.052	146.958.480.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<u>Nợ phải thu</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	6.457.404.000	15.000.000.000
Phải thu về bán đường	6.457.404.000	15.000.000.000
Công ty TNHH TM Thành Thúy	49.799.016.000	22.498.858.948
Phải thu về bán đường	49.799.016.000	22.498.858.948
Cộng	56.256.420.000	37.498.858.948
<u>Nợ phải trả</u>		
Công ty TNHH Dung Bàn		
Ứng trước tiền mua hàng	30.040.103.333	-
Cộng	30.040.103.333	-

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá dịch vụ, hàng hoá của các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu được tổng hợp từ báo cáo tài chính cho năm tài chính chuyển đổi từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 và báo cáo tài chính 6 tháng cuối năm 2015 (năm tài chính 2015) của Công ty Cổ phần Mía đường 333.

Lập ngày 18 tháng 09 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Tùng

Nguyễn Xuân Quang

Đoàn Ngọc Sơn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 01/07/2016 – 30/06/2017



Đắk Lắk, Ngày 10 tháng 10 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN BÁ THÀNH